

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 23-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Dinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025, đối với:

Bị cáo LÊ VĂN T sinh ngày 21/8/19xx; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên); nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 7/12; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị H sinh năm 19xx. Có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con sinh năm 2016. Có bố đẻ được Nhà nước tặng Huy chương chiến sĩ giải phóng và Huy chương kháng chiến hạng Nhất.

- Tiền án:

+ Bản án số 54/2018/HSST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 06/6/2020 đã thi hành xong hình phạt tù, ngày 23/10/2018 đã nộp xong án phí.

+ Bản án số 07/2021/HSST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 20/01/2022 đã thi hành xong hình phạt tù, ngày 23/3/2021 đã nộp xong án phí.

+ Bản án số 61/2022/HSST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 06/11/2024 thi hành xong hình phạt tù, ngày 09/9/2022 nộp xong án phí, chưa nộp tiền phạt bổ sung 5.000.000 đồng.

- Tiền sự: không.

- Nhân thân: Quyết định số 2395/QĐ-UB ngày 26/8/2008 của UBND tỉnh Thái Bình đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (24 tháng); Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 22/01/2011 của UBND tỉnh Thái Bình đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (24 tháng); Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND tỉnh

Thái Bình đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (24 tháng).

- Bị bắt tạm giữ từ ngày 31/3/2025 đến ngày 04/4/2025 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thái Thụy; có mặt.

** Người chứng kiến:*

- Ông Nguyễn Đình T sinh năm 19xx; vắng mặt.

Trú tại: tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình (Nay là tổ dân phố H, xã T, tỉnh Hưng Yên).

- Ông Nguyễn Duy T sinh năm 19xx; vắng mặt.

Trú tại: tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình (Nay là tổ dân phố H, xã T, tỉnh Hưng Yên).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 31/3/2025, Lê Văn T đi bộ từ nhà ra đường trục xã rồi đi nhờ xe mô tô của người qua đường đến thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến đường Nguyễn Đức Cảnh, thuộc tổ dân phố số 7, thị trấn Diêm Điền, T xuống xe, đi bộ, gặp và mua của người không quen biết 300.000 đồng được 3 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,3203 gam đựng trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long. T cất giấu vào trong túi áo khoác đang mặc rồi tiếp tục đi bộ, tìm địa điểm sử dụng. Khoảng 15 giờ 30 phút, khi T đi bộ được một đoạn thì bị tổ tuần tra của Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng Diêm Điền phát hiện, yêu cầu kiểm tra, T tự giác giao nộp 3 gói ma túy trong túi áo khoác. Tổ công tác đã mời người chứng kiến việc lập biên bản, thu giữ vật chứng và dẫn giải T đến trụ sở Công an thị trấn Diêm Điền lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó khám xét khẩn cấp chỗ ở của T nhưng không thu giữ đồ vật, tài sản gì khác.

- Bản kết luận giám định số 311/KL-KTHS ngày 04/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (nay là Công an tỉnh Hưng Yên): Vật chứng trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,3203 gam.

Cáo trạng số 102/CT-VKSTT ngày 18/6/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên) đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 31/3/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau khi giám định cùng bao gói.

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt xử bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình (nay là Công an tỉnh Hưng Yên), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy (nay là Viện kiểm sát khu vực 7 – Hưng Yên), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; bị cáo đã thừa nhận cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tạm giữ tài sản đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng Diêm Điền lập ngày 31/3/2025; Bản kết luận giám định số 311/KL-KTHS ngày 04/4/2025 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến là ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Duy T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/3/2025, tại trục đường Nguyễn Đức Cảnh, thuộc tổ dân phố số 7, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, tổ tuần tra của Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng Diêm Điền phát hiện, bắt quả tang Lê Văn T (đã tái phạm) tàng trữ trái phép 3 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,3203 gam, mục đích để sử dụng đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên) đã truy tố là đúng pháp luật.

[4] Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như sau:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm :

...o) Tái phạm nguy hiểm.

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[5] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự; biết rõ tác hại của ma túy là vô cùng nghiêm trọng nhưng do thỏa mãn thói hư, tật xấu nên bị cáo đã mua ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự công cộng và an toàn xã hội, là nguồn gốc lây nhiễm căn bệnh HIV-AIDS, làm suy yếu sức khỏe con người và là nguồn gốc làm phát sinh những loại tội phạm khác. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Bị cáo là người có nhân thân xấu, không chịu rèn luyện, tu dưỡng mà đã sớm lao vào con đường tệ nạn nghiện ma túy và thường xuyên vi phạm pháp luật; bị cáo đã từng bị kết án về tội “Cướp giật tài sản”, “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nay lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng.

[7] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng Huy chương chiến sĩ giải phóng và Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù với mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng, bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, vì vậy, không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: 0,3203 gam Heroine, sau khi lấy mẫu giám định còn lại 0,2807 gam Heroine và toàn bộ bao gói quản lý của Lê Văn T trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 311/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (nay là Công an tỉnh Hưng Yên) thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ

nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về nguồn gốc ma túy: Lê Văn T khai mua ma túy của một người không quen biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý là đúng pháp luật.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Lê Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 31/3/2025 và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,2807 gam Heroine và toàn bộ bao gói thu giữ của Lê Văn T đựng trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 311/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (nay là Công an tỉnh Hưng Yên) có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Hưng Yên).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/7/2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Diệu Thúy

